

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bản án số: 273/2024/DS-PT

Ngày 23 - 12 - 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán:

Bà Đào Thị Huệ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: 9 H, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh Lệ P, sinh năm 1987 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: 2 A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Tổ C, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- **Người kháng cáo:** Bà Huỳnh Lệ P, sinh năm 1987; là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 02/10/2021, bà L và bà P có ký hợp đồng vay tiền với số tiền 2.000.000.000 đồng, có sử dụng tài sản là giấy tờ nhà đất của anh Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T làm đảm bảo. Khoản vay 2.000.000.000 đồng được chuyển khoản thành 02 lần: lần 1 vào ngày 23/9/2021, bà P có chuyển khoản vào tài khoản số 19037060161013 Ngân hàng T2 của bà Ngô Thị L1 số tiền 1.000.000.000 đồng. Lần 2 vào ngày 02/10/2021, bà P có chuyển khoản vào tài khoản của bà L ngân hàng V số tài khoản 0081001252877 số tiền 950.000.000 đồng, đã trừ 50.000.000 đồng tiền lãi thu trước. Hợp đồng vay đã được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu hòa giải thành ngày 15/11/2022 và đã có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Trong đơn kiện, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi nên Tòa án không giải quyết và bà L không có yêu cầu phản tố. Nay bà L thấy bị thiệt thòi do bà P lấy lãi cao nên khởi kiện yêu cầu bà P trả lại tiền lãi bà L đã trả vượt quá quy định. Tiền lãi bà L chuyển khoản trả như sau:

- Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 23/9/2021: Loan chuyển khoản 50.000.000 đồng. Ngày 25/10/2021, L chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 25/11/2021, L chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 25/12/2021, L1 chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 25/01/2022, L1 chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 19/02/2022, 40.000.000 đồng P tự trừ trong khoản 200.000.000 đồng mà khách mua lại cổ phần đầu tư nhà Đất Đỏ cùng P. Ngày 22/3/2022, L chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 26/4/2022, L chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 20/5/2022, L chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 22/6/2022, L chuyển khoản 40.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi đã chuyển cho bà P đối với khoản tiền vay 1.000.000.000 đồng ngày 23/9/2021 là 410.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 02/10/2021: Ngày 02/10/2021 Phương trừ 50.000.000 đồng thu lãi trước, trừ vào tiền cho vay. Ngày 01/11/2021, L chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 02/12/2021, L1 chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 08/01/2022, L1 chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 11/02/2022, L1 chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 14/3/2022, L chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 07/4/2022, L1 chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 05/5/2022, L1 chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 02/6/2022, L chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ngày 05/7/2022, L chuyển khoản 40.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi đã chuyển cho bà P đối với khoản tiền vay 1.000.000.000 đồng ngày 02/10/2021 là 410.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi đã chuyển khoản cho bà P hai khoản vay là 820.000.000 đồng. Tất cả các giao dịch chuyển khoản đều chuyển khoản vào số tài khoản 76110000551897 của bà Huỳnh Lệ P ngân hàng B. Tiền này là tiền riêng của bà L, bà L độc thân.

Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi là 5% cho tháng đầu tiên, tháng thứ hai trở đi là 4%/tháng, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng.

Bà L xét thấy lãi suất bà P cho vay quá cao với hạn mức nhà nước cho phép. Tại hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất cụ thể. Vì vậy số tiền lãi đối với khoản vay của bà Linh T1 đến ngày 15/11/2022 phải trả là 2.000.000.000 đồng x 20%/năm x 13 tháng = 433.333.333 đồng. Như vậy bà L đã trả vượt là 386.666.667 đồng.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải, nguyên đơn bà L yêu cầu:

- Xác định lại số tiền lãi với khoản vay 2.000.000.000 đồng từ ngày 02/10/2021 đến ngày ra Quyết định số 58/2022/QĐST-DS ngày 15/11/2022 là 433.333.333 đồng (20%/năm).

- Buộc bà P khấu trừ số tiền bà L đã thanh toán vượt quá số tiền lãi mà pháp luật quy định trừ vào tiền gốc, lãi mà bà L phải trả còn lại, cụ thể là 386.666.667 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L yêu cầu:

- Xác định lại số tiền lãi với khoản vay 2.000.000.000 đồng từ ngày 23/9/2021 đến ngày 05/7/2022 là 333.333.333 đồng (20%/năm).

- Buộc bà P khấu trừ số tiền bà L đã thanh toán vượt quá số tiền lãi mà pháp luật quy định trừ vào tiền gốc, lãi mà bà L phải trả còn lại, cụ thể là 486.666.667 đồng.

2. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn - bà Huỳnh Lệ P trình bày:

Bà P độc thân, không có chồng. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi là 5% cho tháng đầu tiên, tháng thứ hai trở đi là 4%/tháng, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng. Số tiền bà P cho bà L vay là 2.000.000.000 đồng. Đến nay số tiền 2.000.000.000 đồng bà L vẫn chưa trả cho bà P. Bà L có trả lãi cho bà P hàng tháng. Các khoản lãi mà bà L liệt kê thì khớp với số tiền lãi bà P đã nhận là 770.000.000 đồng, còn số tiền 50.000.000 đồng ngày 24/9/2021 là tiền bà L trả cho bà P tiền khác, số tiền này không phải là tiền lãi, nên bà P chỉ nhận tiền lãi tổng cộng là 770.000.000 đồng. Bà P không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn bà L, không đồng ý tính lại tiền lãi.

3. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Huỳnh Lệ P về việc bà L yêu cầu bà P trả lại số tiền là 465.800.000 đồng.

Buộc bà Huỳnh Lệ P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 465.800.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Huỳnh Lệ P về việc bà L yêu cầu bà P trả số tiền là 486.666.667 đồng – 465.800.000 đồng = 20.866.667 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung kháng cáo:

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận được đơn kháng cáo của bị đơn - bà Huỳnh Lệ P có nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L và bị đơn - bà Huỳnh Lệ P cùng thống nhất thỏa thuận giải quyết vụ án như sau:

- Bà Huỳnh Lệ P tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 58/2022/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu ngày 15/11/2022, tương ứng số tiền 360.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P, bà L tự nguyện mỗi người chịu 50% tiền án phí theo quy định của pháp luật; tương ứng số tiền 9.000.000 đồng.

6. Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa, do các đương sự thống nhất với nhau về giải quyết vụ án; sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Lệ P đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố

tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Lệ P thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L và bị đơn - bà Huỳnh Lệ P đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận những nội dung mà các đương sự đã thỏa thuận là có căn cứ.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Bà Huỳnh Lệ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Lệ P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

Áp dụng: Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Bà Huỳnh Lệ P có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 58/2022/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu ngày 15/11/2022, tương ứng số tiền 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm: 9.000.000đ (Chín triệu đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 9.667.000đ (Chín triệu sáu

trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004852 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại 667.000đ (Sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Bà Huỳnh Lệ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Lệ P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005053 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; bà P đã nộp xong.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/12/2024).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H. Đất Đỏ, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Đất Đỏ, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. Đất Đỏ, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long